

Số 36/2025/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Tường Công Sơn ,

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Thanh Nghị - Thư ký Tòa án.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh am
gia phiên họp:** Bà Lê Duy Bảo Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động số: 22/2025/LĐ-ST ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 2222/2025/QĐST-LĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Trần Thị Thùy D, sinh năm 1987; CCCD số xxxxxxxxxxxx cấp ngày 25/6/2021

Địa chỉ thường trú: Khu phố A, xã C (cũ là thị trấn C, huyện V), tỉnh Q

Địa chỉ tạm trú: Số xxx LVK, tổ xx, khu phố x, phường T (cũ là phường H, quận xx), Thành phố H

Người được ủy quyền: Bà Trương Thị Ngọc H, sinh năm 2002;

Địa chỉ thường trú: Ấp B, xã Đ (cũ là xã B, huyện G, tỉnh T), tỉnh Đ.

Địa chỉ liên hệ: xxx DQH, phường A (cũ là phường x, quận G), Thành phố H(Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1992; CCCD số xxxxxxxxxxxx cấp ngày 17/8/2021

Địa chỉ thường trú: Thôn A, xã C (cũ là thị trấn C, huyện V), tỉnh Q.

Địa chỉ tạm trú: Số xx, tổ xx, Khu phố x, phường T (cũ là phường H, quận xx), Thành phố H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người được ủy quyền: Bà Trương Thị Ngọc H, sinh năm 1992;

Địa chỉ thường trú: Ấp B, xã Đ (cũ là xã B, huyện G, tỉnh T), tỉnh Đ.

Địa chỉ liên hệ: xxx DQH, phường A (cũ là phường x, quận G), Thành phố H(Có mặt)..

2/ Công ty TNHH GHP

Trụ sở chính: Số xx HDD, phường T (cũ là phường T, quận T), Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tú M, sinh năm 1979 - Chức vụ: Chủ tịch Công ty

(Đã giải thể ngày xx/x/xxxx theo Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp ngày xx/x/xxxx của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài Chính – Thành phố H).
3/ Bảo hiểm xã hội cơ sở H thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H (cũ là Bảo hiểm xã hội quận G, Thành phố H).

Địa chỉ: xxx LL, phường H (cũ là phường x, quận G), Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh N, sinh năm 1979;

Người được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1987

Địa chỉ: xxxx LĐT, phường A (cũ là phường xx, quận G), Thành phố H (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

Trong đơn yêu cầu ngày 28/03/2025 (nộp Tòa án ngày 17/6/2025), bản tự khai và các lần làm việc tại cầu Tòa án bà Trương Thị Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu trình bày:

Trước đây, vào tháng 06/2006 vì bà Nguyễn Thị Lệ H chưa đủ tuổi lao động, nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên phải lên Thành phố H để mưu sinh làm ăn. Thời điểm đó bà Nguyễn Thị Lệ H chưa đủ tuổi nên khi bà H muốn đi xin việc làm đã mượn chứng minh nhân dân số: xxxxxxxxxx của tôi để ký hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn GHP có trụ sở làm việc tại xx PVC, Phường xx, Quận G, Thành phố H (hiện công ty TNHH GHP đã giải thể) và đóng bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội quận G theo số sổ bảo hiểm xã hội là: xxxxxxxxxx.

Do không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà H để có thể đi làm lo cho gia đình, nên việc tôi đã cho bà H mượn chứng minh nhân dân là không đúng theo quy định của pháp luật, việc ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH GHP là do bà Nguyễn Thị Lệ H thực hiện chứ không phải là tôi.

Thời gian bà Nguyễn Thị Lệ H dùng chứng minh nhân dân của tôi để làm việc và đóng bảo hiểm xã hội là từ tháng 06/2006 đến 02/2008. Sau đó, bà Nguyễn Thị Lệ H tự ý nghỉ việc tại Công ty HP.

Ngoài ra, trong thời gian từ tháng 06/2006 đến 02/2008 tôi cũng đang làm việc tại Công ty TNHH WV (nơi làm việc: xx PVC, Phường xx, quận G, Thành phố H), nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn WV II (nơi làm việc xxx LVK, Phường H, Quận xx, Thành phố H).

Chính vì vậy thời gian đóng bảo hiểm xã hội của tôi có sự trùng lặp về thời gian từ tháng 06/2006 đến tháng 02/2008.

Hiện nay, tôi có nhu cầu gộp sổ bảo hiểm xã hội thì cơ quan bảo hiểm xã hội hướng dẫn đến Tòa án nhân dân quận G để yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng lao động với khoảng thời gian lao động tại công ty TNHH GHP.

Do thời gian đã lâu gần 20 năm, bà Nguyễn Thị Lệ H không còn lưu giữ bản hợp đồng lao động đề tên Trần Thị Thùy D đã ký với Công ty TNHH GHP nên tôi không cung cấp được bản hợp đồng lao động cho Tòa án.

Hiện tôi và bà Nguyễn Thị Lệ H đang tiến hành trích lục Hợp đồng lao động để bổ sung cho Tòa án.

Nay tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân vực 7(cũ là Tòa án nhân dân quận G), Thành phố H giải quyết cho tôi yêu cầu sau:

Đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu đối với hợp đồng lao động đề tên bà Trần Thị Thùy D (Sinh năm: 1987, CMND số: xxxxxxxxxx) với công ty TNHH GHP được ký vào năm 2006 và hợp đồng lao động đề tên bà Trần Thị Thùy D được ký năm 2007 do hợp đồng được ký kết không đúng với nhân thân, vì phạm nguyên tắc “trung thực” khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật lao động năm 2019 và nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2019.

Ngày 04/7/2025, bà H có đơn trình bày yêu cầu :

Đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng lao động được ký thời gian từ tháng 06/2006 đến tháng 02/2008 giữa bà Trần Thị Thùy D và Công ty TNHH GHP là vô hiệu .

Về hậu quả hợp đồng vô hiệu bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai để ngày 30 tháng 6 năm 2025 bà Trương Thị Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Do trước đây, do chưa đủ tuổi lao động nhưng vì hoàn cảnh khó khăn nên bà Nguyễn Thị Lệ H nên khi đi làm đã mượn chứng minh nhân dân số: xxxxxxxxxx của bà Trần Thị Thùy D để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH GHP và được Công ty đóng bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội Quận G, Thành phố H theo số sổ bảo hiểm xã hội là: xxxxxxxxxx. Việc ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH GHP là do bà Nguyễn Thị Lệ H thực hiện chứ không phải bà Trần Thị Thùy D. Trong khoảng thời gian từ tháng 06/2006 đến tháng 02/2008, bà Nguyễn Thị Lệ H đã sử dụng chứng minh nhân dân của bà D để làm việc và tham gia đóng bảo hiểm tại Công ty TNHH GHP. Sau đó, bà Nguyễn Thị Lệ H đã tự ý nghỉ việc tại Công ty TNHH GHP.

Ngoài ra, trong thời gian đó, bà Trần Thị Thùy D cũng đang làm việc tại Công ty TNHH WV, nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn WV II và tham gia đóng Bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội Quận G, Thành phố H nên có sự trùng lặp về thời gian đóng bảo hiểm.

Hiện nay, bà Trần Thị Thùy D có nhu cầu gộp sổ bảo hiểm xã hội vì vậy bà Trần Thị Thùy D làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Trần Thị Thùy D, sinh năm 1987, CMND số: xxxxxxxxxx với Công ty TNHH GHP được ký vào năm 2006 và năm 2007 là vô hiệu

Nay bà Nguyễn Thị Lệ H đồng ý với yêu cầu của bà Trần Thị Thùy D và kính đề nghị Quý Tòa xem xét tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Thị Thùy D

- Bà Nguyễn Thị Thùy L là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở H trình bày:

- Căn cứ dữ liệu đang quản lý và hồ sơ lưu trữ, Công ty TNHH GHP có tham gia đóng BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT) với tên Trần Thị Thùy D, sinh ngày 07/01/1987, CMND số xxxxxxxxxx tại mã số BHXH xxxxxxxxxx từ tháng 06/2006 - 02/2008 (1 năm 9 tháng), chưa hưởng BHXH 1 lần. BHXH quận G thực hiện đúng quy định, tăng/giảm tham gia BHXH cho người lao động Trần Thị Thùy D theo đúng hồ sơ Công ty kê khai (đính kèm hồ sơ báo tăng/giảm của Công ty nộp cho BHXH quận G). Về Hợp đồng lao động, là văn bản giao kết quan hệ lao

động giữa người lao động và người sử dụng lao động, BHXH quận G không thực hiện lưu trữ.

- Tòa án có triệu tập đại diện Công ty TNHH GHP. Tuy nhiên đại diện người yêu cầu cung cấp Phiếu thông tin đăng ký doanh nghiệp tại Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài Chính – Thành phố H thì Công ty Đã giải thể ngày xx/x/xxxx (theo Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp ngày xx/x/xxxx của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài Chính – Thành phố H).

Tại phiên họp:

Bà Huyền đại diện cho người yêu cầu bà Trần Thị Thùy D trình bày yêu cầu:

Đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng lao động được ký thời gian từ tháng 06/2006 đến tháng 02/2008 giữa bà Trần Thị Thùy D và Công ty TNHH GHP là vô hiệu .

Bà H đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lê H : Bà thống nhất với ý kiến người yêu cầu như đã trình bày tại bản tự khai ngày 30/6/2025:

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu của người yêu cầu là bà Trần Thị Thùy D có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Thùy D.

Bà D chịu lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết việc dân sự*

Căn cứ vào Đơn yêu cầu ngày 08/3/2025 của bà Trần Thị Thùy D xét thấy bà D yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu được quy định tại Điều 401 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi năm 2025;

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu, được quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi năm 2025;. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty TNHH GHP (Việt Nam) có địa chỉ trụ sở xx PVC, phường x, quận G(nay là phường T), Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025;

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án có triệu tập bà Nguyễn Thị Thùy L là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[3] *Về yêu cầu của bà Trần Thị Thùy D:*

Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất:

Trong thời gian từ tháng 06/2006 đến tháng 02/2008; người lao động bà Nguyễn Thị Lệ H do chưa đủ tuổi nên bà có mượn chứng minh nhân dân của bà Trần Thị Thùy D, sinh ngày 07/01/1987, số CMND số xxxxxxxxxx ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH GHP và có làm việc tại công ty, được Công ty TNHH GHP đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế mã số BHXH xxxxxxxxxx từ tháng 06/2006 - 02/2008 (1 năm 9 tháng), chưa hưởng BHXH 1 lần. Tuy nhiên, bà Huyền thừa nhận người ký hợp đồng lao động và thực tế làm việc tại Công ty TNHH GHP là bà Nguyễn Thị Lệ H chứ không phải bà Trần Thị Thùy D, do thời điểm ký hợp đồng bà H chưa đủ tuổi nên bà H đã mượn CMND và thông tin cá nhân của bà D để ký hợp đồng lao động. Đồng thời, trong thời gian đó, bà D cũng đang làm việc tại Công ty TNHH WV, nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn WV II và lại có tham gia đóng Bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội Quận G, Thành phố H (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở H thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H) nên có sự trùng lặp về thời gian đóng bảo hiểm. Lời trình bày của bà D phù hợp với lời khai của bà H cũng phù hợp với số BHXH mà bà L cung cấp trong hồ sơ vụ việc và ý kiến của Bảo hiểm xã hội cơ sở H thể hiện bà Trần Thị Thùy D có quá trình tham gia BHXH từ tháng 06/2006 đến tháng 02/2008 tại Công ty TNHH GHP với mã số BHXH xxxxxxxxxx đồng thời tham gia BHXH tại Công ty TNHH WV II, với mã BHXH xxxxxxxxxx trong khoảng thời gian tháng 06/2006 đến tháng 02/2008.

Xét thấy, việc bà H lấy tên bà D để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể để xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tôn trọng quyền và hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 17 Luật Lao động năm 2012. Do đó, bà Trần Thị Thùy D yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng 06/2006 đến tháng 02/2008 ký kết giữa bà D (do bà H mượn tên) với Công ty TNHH GHP là có căn cứ theo quy định tại Điều 122 và Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2005. Mặt khác các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp về yêu cầu này. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Trần Thị Thùy D phải chịu theo quy định.

[5] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhân định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi năm 2025;

Căn cứ Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật thi hành án năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm năm 2014)

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trần Thị Thùy D.

Tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa bà Trần Thị Thùy D với Công ty TNHH GHP từ tháng 06/2006 đến tháng 02/2008 là vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Trần Thị Thùy D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ toàn bộ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0000360 ngày 13/6/2085 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận :

- VKSND KV7,TPHCM;
- Phòng THADS KV 7, TPHCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Tưởng Công Sơn